TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 87/2018/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 15 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 93/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị **Trương Thị Thu H** – sinh năm 1990.
Nơi cư trú: Thôn Q, xã C1, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Anh **Nguyễn Văn T** - sinh năm 1988.
Nơi cư trú: Thôn Q, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trương Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau từ năm 2014 có làm đăng ký kết hôn và Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 304, quyển số 02/2014 ngày 24/11/2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng anh, chị sống với nhau hòa thuận hạnh phúc được một thời gian. Nhưng đến cuối năm 2017 vợ chồng anh T, chị H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vấn đề về tài chính, tiền bạc, anh T còn thường xuyên chửi bới, đánh đập chị Hòa nhiều lần. Nay vợ chồng anh, chị không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng anh, chị đoàn tụ nhưng không thành, vì vậy anh T, chị H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của vợ chồng anh T, chị H.

[2] *Về con chung:* Chị Trương Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T trình bày vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trương Hoài T, sinh ngày 23/5/2015; vợ chồng anh T, chị H thỏa thuận như sau: Chị Trương Thị Thu H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Trương Hoài T, sinh ngày 23/5/2015; anh Nguyễn Văn T không cấp dưỡng nuôi con chung. Nên áp dụng vào Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của vợ chồng anh T, chị H.

[3] *Về tài sản chung:* Chị Trương Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xét.

[4] *Về lệ phí*: Chị Trương Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T nộp lệ phí việc dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật;

- *Về các vấn đề khác*: Không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trương Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Trương Thị Thu H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trương Hoài Thương, sinh ngày 23/5/2015; anh Nguyễn Văn T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung:* Chị Trương Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T đều yêu cầu để vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. *Về lệ phí Tòa án*: Chị Trương Thị Thu H nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí việc dân sự sơ thẩm về ly hôn; anh Nguyễn Văn T nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí việc dân sự sơ thẩm về ly hôn. nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000117 ngày 22/10/2018 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Chị Trương Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

Quy định:

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND TP C;*
- *Chi cục THADS TP C;*
- *UBND TT L, huyện T, Bình Thuận;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

THẨM PHÁN

TRƯƠNG VĂN VƯƠNG